

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2017

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triến.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Lợi.

2. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lữ Minh Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2017, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn D cưới nhau vào tháng 7 năm 2007, sau đó đăng ký lại việc kết hôn vào ngày 09/7/2007 (giấy chứng nhận kết hôn số 34/2007 ngày 09/7/2007) tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D tỉnh Long An.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ với nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 14/10/2007 - hiện đang sống với ông D và Nguyễn Kim Ngọc D, sinh ngày 15/5/2013, hiện đang sống chung bà N. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông D trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn P, bà trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Kim Ngọc D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 28/8/2017 trình bày và yêu cầu: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, về con chung, về việc không có tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do trong lúc say rượu ông và bà D có cãi vã nhau. Bà N đã bỏ về nhà mẹ ruột của mình sống từ tháng 7/2016 và đã ly thân cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 14/10/2007 - hiện đang sống với ông D và Nguyễn Kim Ngọc D, sinh ngày 15/5/2013, hiện đang sống chung bà N. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn P, bà N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Kim Ngọc D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại ấp 1, xã N, huyện D, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn D được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông D không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia

phiên hòa giải, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ không có lý do. Ông D không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật. Bà N và ông D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà N theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7 năm 2007, có đăng ký kết hôn 09/7/2007 (giấy chứng nhận kết hôn số 34/2007 ngày 09/7/2007) tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân của bà N và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và năm 2014. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên bà N và ông D sống ly thân với nhau từ tháng 8/2016 đến nay.

[4] Xét việc bà N yêu cầu ly hôn với ông D và yêu cầu đoàn tụ của ông D: Bà N và ông D có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2013 là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, gây gổ thường xuyên dẫn đến mất hạnh phúc gia đình không sống chung với nhau được phải sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông D đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D và không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông D là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Tấn Phong, sinh ngày 14/10/2007, hiện đang sống chung ông D và Nguyễn Kim Ngọc Duyên, hiện đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu ông D trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn P là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Tấn P. Bà N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Kim Ngọc D là phù hợp. Vì từ khi ly thân đến nay cháu D do bà N nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện đang sống với bà N. Bà N và ông D không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông D cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xét thấy: Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông D không chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 14/10/2007 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng con chung) - hiện đang sống với ông D và Nguyễn Kim Ngọc D, sinh ngày 15/5/2013, cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện đang sống chung bà N. Bà N, ông D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D, bà N được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông D và bà N có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp (biên lai thu số 0007965 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã N (để biết)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Triển